

Số: /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án phát triển nguồn nhân lực ngành Y tế tỉnh Quảng Ngãi
giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 24/6/2025; Luật Viên chức ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; Nghị quyết số 282/NQ-CP Ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm công chức;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 869/QĐ-BYT ngày 08/4/2024 của Bộ Y tế về việc phê duyệt “Đề án phát triển nguồn nhân lực y tế giai đoạn 2023-2030, định hướng 2050;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số /TTr-SYT ngày

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án phát triển nguồn nhân lực ngành Y tế tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Y tế (b/c);
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các phó CVP UBND tỉnh;
- TT Công báo tỉnh; Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Số: /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2026

ĐỀ ÁN

**Phát triển nguồn nhân lực ngành Y tế tỉnh Quảng Ngãi
giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026
của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới đã khẳng định: “Nghề y là một nghề đặc biệt. Nhân lực y tế phải đáp ứng yêu cầu chuyên môn và y đức; cần được tuyển chọn, đào tạo, sử dụng và đãi ngộ đặc biệt. Đầu tư cho bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân là đầu tư cho phát triển”. Vì vậy, trong những năm qua, ngoài chính sách đầu tư chung của Đảng, Nhà nước thì Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và cấp ủy Đảng, Chính quyền các cấp luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và đầu tư nguồn lực nên Ngành Y tế đã tiến bộ về mọi mặt, đạt được nhiều thành quả trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Để đạt được và duy trì bền vững những thành tựu trên, Ngành Y tế đã và đang luôn quan tâm đến yếu tố con người, coi trọng việc phát triển nguồn nhân lực y tế cả về số lượng và chất lượng (chuyên môn kỹ thuật, quản lý, lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học...) nhằm đáp ứng yêu cầu liên tục trong việc ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV. Sau khi sáp nhập tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Kon Tum thành tỉnh Quảng Ngãi, Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi (mới) được thành lập trên cơ sở hợp nhất Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và Sở Y tế tỉnh Kon Tum (cũ) kể từ ngày 01/7/2025 và quy mô ngành Y tế của tỉnh Quảng Ngãi đã tăng lên đáng kể, với tổng số nhân lực hiện có là 7.912 người. Tuy nhiên, sự phân bố nhân lực giữa hai khu vực đồng bằng và miền núi vẫn còn chưa đồng đều, sự chênh lệch về nhân lực y tế (đặc biệt bác sĩ, điều dưỡng, kỹ

thuật viên và nhân viên y tế dự phòng) vẫn còn khá rõ nét, ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng khám chữa bệnh và khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của người dân.

Do đó, để khắc phục những hạn chế hiện tại mà còn hướng tới mục tiêu quan trọng hơn: thiết lập một hệ thống nhân lực y tế đồng bộ, bền vững, toàn diện, đáp ứng yêu cầu quản lý và chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên một địa bàn rộng lớn và đa dạng về điều kiện địa lý - xã hội sau hợp nhất, xây dựng ngành y tế hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong thời kỳ hội nhập quốc tế đồng thời đạt được mục tiêu Nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I nhiệm kỳ 2025 – 2030 đã đề ra thì việc xây dựng Đề án “*Phát triển nguồn nhân lực ngành Y tế tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045*” là hết sức cần thiết.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Cán bộ, công chức ngày 24/6/2025; Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019.

2. Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; Nghị quyết số 282/NQ-CP Ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

3. Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

4. Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.

6. Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

7. Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức.

8. Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm công chức.

9. Thông tư số 03/2023/TT-BYT ngày 17/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc hướng dẫn vị trí việc làm, định mức số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp y tế công lập.

10. Quyết định số 869/QĐ-BYT ngày 08/4/2024 của Bộ Y tế về việc phê duyệt Đề án “Phát triển nguồn nhân lực y tế giai đoạn 2023-2030, định hướng 2050”.

11. Chương trình hành động số 08-CTr/TU ngày 18/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

Phần thứ hai

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC BỘ MÁY, NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH Y TẾ TỈNH QUẢNG NGÃI

I. THỰC TRẠNG VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY

Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi được thành lập trên cơ sở hợp nhất Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và Sở Y tế tỉnh Kon Tum (cũ), cơ cấu tổ chức của Sở gồm có: Giám đốc, các Phó Giám đốc và 06 Phòng chuyên môn, nghiệp vụ (*gồm: Tổ chức - Hành chính, Kế hoạch - Tài chính, Nghiệp vụ Y, Nghiệp vụ Dược, Dân số, Chính sách xã hội*).

Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế, gồm:

- Chi cục An toàn thực phẩm tỉnh Quảng Ngãi.
- 43 đơn vị sự nghiệp trực thuộc:
 - + Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi;
 - + Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi 2;
 - + Bệnh viện Đa khoa khu vực Đặng Thùy Trâm;
 - + Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi;
 - + Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Quảng Ngãi;
 - + Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh Quảng Ngãi;
 - + Bệnh viện Tâm thần tỉnh Quảng Ngãi;
 - + Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Quảng Ngãi;
 - + Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng Kon Tum;
 - + Bệnh viện Nội tiết tỉnh Quảng Ngãi;
 - + Trung tâm Mắt tỉnh Quảng Ngãi;
 - + Trung tâm Điều trị và Nuôi dưỡng người bệnh tâm thần Kon Tum;
 - + Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi;
 - + Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Quảng Ngãi;

- + Trung tâm Pháp y tỉnh Quảng Ngãi;
- + Trung tâm Giám định y khoa tỉnh Quảng Ngãi;
- + Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm;
- + Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Quảng Ngãi;
- + Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Quảng Ngãi;
- + Trung tâm Công tác xã hội Kon Tum;
- + Trung tâm Y tế Quảng Ngãi.
- + Trung tâm Y tế Đức Phổ.
- + Trung tâm Y tế Mộ Đức.
- + Trung tâm Y tế Nghĩa Hành.
- + Trung tâm Y tế Tư Nghĩa.
- + Trung tâm Y tế Sơn Tịnh.
- + Trung tâm Y tế Bình Sơn.
- + Trung tâm Y tế Minh Long.
- + Trung tâm Y tế Ba Tơ.
- + Trung tâm Y tế Sơn Hà.
- + Trung tâm Y tế Sơn Tây.
- + Trung tâm Y tế Trà Bồng.
- + Trung tâm Y tế Quân Dân y đặc khu Lý Sơn.
- + Trung tâm Y tế Kon Tum.
- + Trung tâm Y tế Ngọc Hồi.
- + Trung tâm Y tế Đăk Hà.
- + Trung tâm Y tế Đăk Tô.
- + Trung tâm Y tế Đăk Glei.
- + Trung tâm Y tế Sa Thầy.
- + Trung tâm Y tế Kon Rẫy.
- + Trung tâm Y tế Kon Plông.
- + Trung tâm Y tế Tu Mơ Rông.
- + Trung tâm Y tế Ia H'Drai.

Từ ngày 01/01/2026, các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế được chuyển giao cho UBND xã, phường quản lý và tổ chức lại thành đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp xã.

II. THỰC TRẠNG NHÂN LỰC NGÀNH Y TẾ

1. Thực trạng nhân lực

Tính đến ngày 31/12/2025, nhân lực hiện có ngành Y tế tỉnh Quảng Ngãi là 7.912 người, được chia thành 08 nhóm chức danh nghề nghiệp y tế (gồm: bác sĩ, dược, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, y sĩ, y tế công cộng và nguồn nhân lực khác).

1.1. Số lượng công chức, viên chức, người lao động

Bảng 1: Nhân lực ngành Y tế theo trình độ chuyên môn giai đoạn 2021-2025

STT	Trình độ chuyên môn	2021	2022	2023	2024	2025
I	SỐ LIỆU CHUNG					
	Tổng số lao động	7.655	7.693	7.799	7.879	7.912
1	Sau đại học	1.184	1.234	1.263	1.324	1.400
2	Đại học	2.112	2.350	2.555	2.685	2.734
3	Cao đẳng	1.666	2.027	2.265	2.324	2.289
4	Trung học	2.297	1.700	1.334	1.168	1.108
5	Sơ cấp	30	21	19	16	10
6	Cán bộ khác	366	361	363	362	371
II	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN	7.655	7.693	7.799	7.879	7.912
1	Bác sĩ	1.407	1.449	1.497	1.521	1.513
-	Tiến sĩ	4	3	3	4	4
-	Thạc sĩ	81	74	66	63	72
-	Bác sĩ CKII	77	89	95	108	105
-	Bác sĩ CKI	388	418	432	446	465
-	Bác sĩ Y học cổ truyền	58	66	80	76	80
-	Bác sĩ Y học dự phòng	53	58	61	59	57
-	Bác sĩ đa khoa	746	741	760	765	730
2	Dược sĩ	593	602	608	616	622
-	CKII Dược (QLYT)	2	2	2	3	6
-	CKI Dược	27	32	36	36	37
-	Dược sĩ đại học	118	137	146	157	164
-	Dược sĩ cao đẳng	245	317	357	368	383
-	Dược sĩ trung học	195	113	67	52	32
-	Dược tá	6	1	0	0	0
3	Y sĩ	676	637	613	595	608
-	Y sĩ đa khoa	554	515	489	475	497
-	Y sĩ sản nhi	35	34	32	31	36
-	Y sĩ răng trẻ em	3	3	2	2	1
-	Y sĩ y học dân tộc	84	85	90	87	74
4	Kỹ thuật viên y	463	475	472	473	477
-	Thạc sĩ	71	71	65	65	69
-	Cử nhân Kỹ thuật viên	133	158	172	179	179
-	Kỹ thuật viên cao đẳng y	141	156	167	179	192

STT	Trình độ chuyên môn	2021	2022	2023	2024	2025
-	Kỹ thuật viên trung cấp y	117	90	65	47	37
-	Kỹ thuật viên sơ cấp y	1	0	3	3	0
5	Điều dưỡng	2.483	2.482	2.562	2.607	2.555
-	Thạc sỹ + CKI điều dưỡng	465	462	473	498	513
-	Cử nhân điều dưỡng	357	480	579	631	647
-	Điều dưỡng cao đẳng	811	978	1.111	1.133	1.085
-	Điều dưỡng trung cấp	833	547	387	335	303
-	Điều dưỡng sơ cấp	17	15	12	10	7
6	Hộ sinh	808	791	791	781	772
-	Thạc sỹ hộ sinh	10	10	10	18	24
-	Cử nhân Hộ sinh	107	121	152	161	176
-	Cao đẳng hộ sinh	370	479	528	535	523
-	Hộ sinh trung cấp	315	176	97	64	46
-	Hộ sinh sơ cấp	6	5	4	3	3
7	Y tế công cộng	72	110	119	130	156
-	Thạc sĩ/CKI Y tế công cộng	9	17	21	19	36
-	Cử nhân Y tế công cộng	63	93	98	111	120
8	Trình độ chuyên môn khác	1.153	1.147	1.137	1.156	1.209
-	Sau đại học	50	56	60	64	69
-	Đại học	477	496	507	546	581
-	Cao đẳng	99	97	102	109	106
-	Trung cấp	161	137	105	75	82
-	Khác	366	361	363	362	371

(*) Trình độ chuyên môn khác khác bao gồm: kế toán, dân số viên, công nghệ thông tin, kỹ sư, công tác xã hội

Số lượng nhân lực y tế tương đối ổn định qua các năm (bác sĩ, điều dưỡng có sự gia tăng nhưng không đáng kể). Đối với nhân lực có trình độ chuyên môn khác (bao gồm cả đối tượng hợp đồng lao động, hỗ trợ phục vụ), hầu hết các đơn vị bố trí theo vị trí kiêm nhiệm, từ năm 2025 tăng so với những năm trước do thực hiện bố trí người làm việc theo đúng vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp viên chức tại các đơn vị sự nghiệp ngành Y tế đã được phê duyệt.

Bảng 2. Nhân lực ngành Y tế theo trình độ chuyên môn phân bố theo tuyến năm 2025

STT	Trình độ chuyên môn	Năm 2025		
		Tuyến tỉnh	Trung tâm Y tế	Trạm Y tế
I	SỐ LIỆU CHUNG	4.205	2.100	1.607
	Tổng số lao động	4.205	2.100	1.607
1	Sau đại học	1.086	277	37
2	Đại học	1.459	859	416

STT	Trình độ chuyên môn	Năm 2025		
		Tuyển tỉnh	Trung tâm Y tế	Trạm Y tế
3	Cao đẳng	984	590	715
4	Trung học	386	289	433
5	Sơ cấp	4	2	4
6	Cán bộ khác	286	83	2
II	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN	4.205	2.100	1.607
1	Bác sĩ	828	425	260
-	<i>Tiến sĩ</i>	4	0	0
-	<i>Thạc sĩ</i>	68	4	0
-	<i>Bác sĩ CKII</i>	95	10	0
-	<i>Bác sĩ CKI</i>	259	169	37
-	<i>Bác sĩ Y học cổ truyền</i>	40	32	8
-	<i>Bác sĩ Y học dự phòng</i>	23	22	12
-	<i>Bác sĩ đa khoa</i>	339	188	203
2	Dược sĩ	257	177	188
-	<i>CKII Dược (QLYT)</i>	6	0	0
-	<i>CKI Dược</i>	26	11	0
-	<i>Dược sĩ đại học</i>	82	64	18
-	<i>Dược sĩ cao đẳng</i>	120	96	167
-	<i>Dược sĩ trung học</i>	23	6	3
-	<i>Dược tá</i>	0	0	0
3	Y sĩ	42	198	368
-	<i>Y sĩ đa khoa</i>	32	147	318
-	<i>Y sĩ sản nhi</i>	0	13	23
-	<i>Y sĩ răng trẻ em</i>	0	1	0
-	<i>Y sĩ y học dân tộc</i>	10	37	27
4	Kỹ thuật viên y	344	128	5
-	<i>Thạc sĩ</i>	69	0	0
-	<i>Cử nhân Kỹ thuật viên</i>	122	57	0
-	<i>Kỹ thuật viên cao đẳng y</i>	130	57	5
-	<i>Kỹ thuật viên trung cấp y</i>	23	14	0
-	<i>Kỹ thuật viên sơ cấp y</i>	0	0	0
5	Điều dưỡng	1671	566	318
-	<i>Thạc sĩ + CKI điều dưỡng</i>	449	64	0
-	<i>Cử nhân điều dưỡng</i>	365	202	80
-	<i>Điều dưỡng cao đẳng</i>	587	279	219
-	<i>Điều dưỡng trung cấp</i>	266	20	17
-	<i>Điều dưỡng sơ cấp</i>	4	1	2
6	Hộ sinh	184	198	390
-	<i>Thạc sĩ hộ sinh</i>	24	0	0
-	<i>Cử nhân Hộ sinh</i>	69	58	49
-	<i>Cao đẳng hộ sinh</i>	90	130	303

STT	Trình độ chuyên môn	Năm 2025		
		Tuyển tỉnh	Trung tâm Y tế	Trạm Y tế
-	Hộ sinh trung cấp	1	9	36
-	Hộ sinh sơ cấp	0	1	2
7	Y tế công cộng	68	57	31
-	Thạc sỹ/CKI Y tế công cộng	29	7	0
-	Cử nhân Y tế công cộng	39	50	31
8	Trình độ chuyên môn khác	811	351	47
-	Sau đại học	57	12	0
-	Đại học	380	186	15
-	Cao đẳng	57	28	21
-	Trung cấp	31	42	9
-	Khác	286	83	2

- Các đơn vị tuyển tỉnh nhìn chung có quy mô nhân lực và trình độ chuyên môn cao hơn, tập trung nhiều bác sĩ chuyên khoa sâu, đặc biệt tại các bệnh viện đa khoa và bệnh viện chuyên khoa của khu vực phía Đông Quảng Ngãi. Trong khi đó, các bệnh viện thuộc khu vực phía Tây Quảng Ngãi gặp hạn chế về số lượng và chất lượng nhân lực, nhất là trong các chuyên ngành hồi sức tích cực, chấn thương chỉnh hình, ung bướu, sản - nhi và các chuyên khoa lẻ.

- Nhân lực tại các Trung tâm Y tế có sự chênh lệch rõ rệt giữa hai khu vực. Các trung tâm y tế thuộc khu vực đồng bằng - ven biển có khả năng thu hút và giữ chân bác sĩ tốt hơn, trong khi các xã miền núi ở khu vực phía Tây Quảng Ngãi thiếu hụt nhân lực trầm trọng.

Bảng 3. Nhân lực phân bố theo độ tuổi năm 2025

Vị trí	Tổng số	Nữ	Dân tộc thiểu số	Độ tuổi		
				Dưới 42 tuổi	Từ 42 đến 52 tuổi	Trên 52 tuổi
TỔNG CỘNG	4.962	3.546	395	2.898	1.534	530
CÔNG CHỨC	80	47	1	41	29	10
Giám đốc Sở	1					1
Phó Giám đốc Sở	5				2	3
Trưởng phòng và tương đương thuộc sở	6	1			3	3
Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc sở	8	5		1	5	2
Trưởng phòng thuộc Chi cục và tương đương thuộc Sở	2	1			2	
Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục và tương đương thuộc Sở	2	2		1	1	
Công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	56	38	1	39	16	1
VIÊN CHỨC	4.882	3.499	394	2.857	1.505	520
Người đứng đầu đơn vị	42	2	5		9	33
Cấp phó người đứng đầu đơn vị	74	21	11	4	28	42

Vị trí	Tổng số	Nữ	Dân tộc thiểu số	Độ tuổi		
				Dưới 42 tuổi	Từ 42 đến 52 tuổi	Trên 52 tuổi
vi						
Trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị	297	99	23	44	138	115
Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị	360	199	41	149	161	50
Viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	4.109	3.178	314	2.660	1.169	280

(Không bao gồm viên chức làm việc tại Trạm Y tế đã được bàn giao về cho UBND các xã phường quản lý từ ngày 15/12/2025).

2. Kết quả tuyển dụng viên chức ngành Y tế giai đoạn 2021-2025

TT	Vị trí	2021		2022		2023		2024		2025		Tổng cộng	
		Chỉ tiêu	Kết quả	Chỉ tiêu	Kết quả	Chỉ tiêu	Kết quả	Chỉ tiêu	Kết quả	Chỉ tiêu	Kết quả	Chỉ tiêu	Kết quả
	Tổng cộng	351	191	350	158	228	139	33	32	284	115	1.244	633
I	Y, Dược, Dân số	345	185	343	153	195	106	25	24	268	102	1.176	570
1	Bác sĩ đa khoa	133	20	224	81	110	31	24	23	152	16	643	171
2	Bác sĩ RHM	2	1	5	2	5	-	-	-	4	-	16	3
3	Bác sĩ YHCT	11	4	2	-	7	3	1	1	11	7	32	15
4	Bác sĩ YHDP	16	5	10	8	5	5	-	-	17	8	48	26
5	Điều dưỡng hạng III	32	22	9	8	35	35	-	-	5	5	81	70
6	Điều dưỡng hạng IV	52	52	36	20	5	5	-	-	36	35	129	112
7	Hộ sinh hạng III	1	1	5	-	6	6	-	-	2	-	14	7
8	Hộ sinh hạng IV	-	-	9	4	5	5	-	-	10	2	24	11
9	Kỹ thuật y hạng III	17	16	6	3	8	8	-	-	3	3	34	30
10	Kỹ thuật y hạng IV	16	11	9	5	1	1	-	-	6	5	32	22
11	Dược sĩ hạng III	6	6	7	6	3	3	-	-	3	3	19	18
12	Dược hạng IV	14	13	5	4	3	3	-	-	12	12	34	32
13	Dân số viên hạng III	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	2	-
14	Dân số viên hạng IV	24	16	3	2	-	-	-	-	2	1	29	19
15	Y tế công cộng hạng III	2	2	-	-	-	-	-	-	1	1	3	3
16	Y sĩ hạng IV	19	16	11	10	-	-	-	-	4	4	34	30
17	Dinh dưỡng viên hạng IV	-	-	-	-	2	1	-	-	-	-	2	1
II	Chuyên ngành khác	6	6	7	5	33	33	8	8	16	13	68	63
1	Kế toán viên	2	2	-	-	4	4	4	4	1	1	11	11
2	Kế toán viên trung cấp	2	2	-	-	-	-	-	-	5	4	7	6
3	Chuyên viên	1	1	-	-	15	15	2	2	1	1	19	19

TT	Vị trí	2021		2022		2023		2024		2025		Tổng cộng	
		Chỉ tiêu	Kết quả	Chỉ tiêu	Kết quả	Chỉ tiêu	Kết quả	Chỉ tiêu	Kết quả	Chỉ tiêu	Kết quả	Chỉ tiêu	Kết quả
4	Cán sự	-	-	-	-	3	3	-	-	1	-	4	3
5	Công nghệ thông tin hạng III	1	1	-	-	2	2	-	-	1	-	4	3
6	Kỹ sư hạng III	-	-	1	1	4	4	1	1	-	-	6	6
7	Kỹ thuật viên	-	-	-	-	1	1	-	-	-	-	1	1
8	Công tác xã hội viên	-	-	1	1	-	-	1	1	-	-	2	2
9	Lưu trữ viên hạng III	-	-	-	-	3	3	-	-	7	7	10	10
10	Thư viện viên hạng IV	-	-	3	1	1	1	-	-	-	-	4	2
11	Công nghệ thông tin hạng IV			2	2					-	-	2	2

Giai đoạn năm 2021-2025, Ngành Y tế có 1.244 chỉ tiêu tuyển dụng nhưng mới tuyển được 633 người, đạt 50,9%, còn thiếu 611 chỉ tiêu. Nhóm y, dược, dân số chiếm phần lớn nhu cầu (1.176 chỉ tiêu) song chỉ đạt 48,5% so với chỉ tiêu tuyển dụng; các nhóm chuyên ngành khác đạt 92,6%. Bác sĩ đa khoa tuyển được 171/643 chỉ tiêu (26,6%) cho thấy tình trạng thiếu bác sĩ rất nghiêm trọng, đặc biệt các chuyên ngành như Răng Hàm Mặt gần như không tuyển được. Thực trạng này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải có cơ chế đào tạo theo địa chỉ, chính sách thu hút và đãi ngộ phù hợp trong giai đoạn 2026 - 2030 để bảo đảm đạt mục tiêu phát triển nguồn nhân lực ngành Y tế.

3. Đánh giá

3.1. Ưu điểm

Trong những năm qua được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước cùng với sự ủng hộ của Nhân dân và sự nỗ lực không ngừng mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng mạng lưới y tế tỉnh nhà, bao gồm cả y tế trong và ngoài công lập, ngành Y tế tiếp tục đạt được những kết quả quan trọng, đóng góp vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội chung của toàn tỉnh với các kết quả nổi bật như:

- Đã chủ động ban hành nhiều văn bản kịp thời, phù hợp với tình hình thực tiễn để chỉ đạo các đơn vị trong ngành thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, phòng chống dịch bệnh, đặc biệt trước diễn biến phức tạp của đại dịch COVID-19; Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, chú trọng công tác y tế cơ sở nhằm nâng cao công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân. Chỉ đạo các cơ sở y tế triển khai các giải pháp, tích cực mua sắm đảm bảo thuốc, trang thiết bị, vật tư y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh; Tăng cường quản lý hành nghề y dược tư nhân, làm tốt công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo. Tiếp tục cải cách hành chính, giải quyết thủ tục hành chính trong khám chữa bệnh; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin lĩnh vực y tế; Chủ động triển khai các phương án tìm kiếm cứu nạn, sẵn sàng đáp ứng về y tế khi có tình huống xảy ra...

- Năng lực, chất lượng khám, chữa bệnh và sự hài lòng của người bệnh được nâng lên. Nhiều dịch vụ y tế kỹ thuật cao, tiên tiến được áp dụng vào khám chữa bệnh cho Nhân dân trên địa bàn.

- Việc sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập đã góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực hiện có.

- Chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức, người lao động được giải quyết kịp thời, đúng quy định.

3.2. Tồn tại, hạn chế

Ngành Y tế đã có sự phát triển toàn diện về nhiều mặt, chất lượng khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh, ứng dụng công nghệ, khoa học sáng tạo trong lĩnh vực y dược phát triển, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của người dân trong và ngoài tỉnh. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, đặc biệt sau đại dịch COVID-19 xảy ra đã ảnh hưởng rất lớn đến nguồn nhân lực, như:

- Nguồn nhân lực bác sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật y học có trình độ đại học trở lên còn thiếu, đặc biệt tại các Trung tâm Y tế, Trạm Y tế và một số đơn vị có tính chất đặc thù (Lao, Tâm thần, Pháp y, Giải phẫu bệnh...).

- Việc tuyển dụng bác sĩ còn gặp nhiều khó khăn, hàng năm số lượng tuyển không đủ chỉ tiêu đăng ký, đặc biệt là các chỉ tiêu về bác sĩ đa khoa, bác sĩ chuyên khoa lao phong, tâm thần,... và bác sĩ cho tuyến y tế cơ sở.

- Ngoài tình trạng thiếu hụt hiện hữu, ngành Y tế tỉnh Quảng Ngãi còn phải đối mặt với nguy cơ thiếu hụt nhân lực gia tăng trong giai đoạn 2026 - 2030 do số lượng viên chức y tế đến tuổi nghỉ hưu ngày càng lớn, đặc biệt là đội ngũ bác sĩ đã công tác lâu năm tại tuyến cơ sở. Trong thời gian đến, mỗi năm toàn ngành sẽ có một số lượng đáng kể bác sĩ nghỉ hưu theo chế độ; trong đó, nhiều bác sĩ đang giữ vai trò chủ chốt tại Trạm Y tế và Trung tâm Y tế khu vực miền núi. Việc thay thế lực lượng này gặp rất nhiều khó khăn do nguồn bác sĩ trẻ không mặn mà với công tác tại tuyến cơ sở, nhất là tại các vùng đặc biệt khó khăn, dẫn đến nguy cơ đứt gãy nhân lực y tế cơ sở, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng duy trì hoạt động thường xuyên của Trạm Y tế.

- Thực trạng nguồn nhân lực ngành Y tế tỉnh Quảng Ngãi hiện chưa đáp ứng yêu cầu của Đề án phát triển nguồn nhân lực và Đề án vị trí việc làm theo quy định hiện hành, cả về số lượng, cơ cấu và tính bền vững. Đặc biệt, tình trạng thiếu bác sĩ tại tuyến y tế cơ sở, nguy cơ gia tăng thiếu hụt do nghỉ hưu và khó khăn trong việc thu hút, thay thế bác sĩ tại vùng đặc biệt khó khăn là những thách thức lớn, đòi hỏi phải có các giải pháp đồng bộ, mang tính đặc thù và đủ mạnh trong giai đoạn 2026 - 2030.

- Chất lượng và cơ cấu đội ngũ nhân lực y tế chưa đồng đều giữa các tuyến và địa bàn. Đội ngũ bác sĩ, nhân viên y tế tập trung chủ yếu tại tuyến tỉnh và khu vực thuận lợi; năng lực chuyên môn, kinh nghiệm thực hành và khả năng tiếp cận,

ứng dụng kỹ thuật mới của nhân lực tuyến cơ sở còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác khám, chữa bệnh và phòng, chống dịch bệnh.

3.3. Nguyên nhân

3.3.1. Nguyên nhân khách quan

- Sinh viên chuyên ngành y, dược mới ra trường không muốn về công tác tại tuyến cơ sở, nhất là một số đơn vị đóng chân trên địa bàn có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, một số đơn vị đặc thù như pháp y, giám định y khoa...và tại trạm y tế do môi trường làm việc áp lực cao, độc hại, nguy hiểm, khó phát triển chuyên môn, thu nhập thấp.

- Chính sách tiền lương, chế độ đãi ngộ đối với công chức, viên chức ngành y tế chưa phù hợp; mức lương xuất phát điểm của bác sĩ, dược sĩ đại học thấp trong khi đó điểm đậu vào trường đại học các chuyên ngành bác sĩ, dược sĩ đại học rất cao, thời gian học dài (6 năm), sau khi tốt nghiệp phải có thời gian thực hành để cấp chứng chỉ hành nghề (bác sĩ là 12 tháng, điều dưỡng là 6 tháng và dược sĩ đại học là 24 tháng) nhưng hệ số lương ngang bằng với các đại học khác. Học phí, chi phí đào tạo các trường y cao nên xu hướng học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học không muốn lựa chọn học ngành y đặc biệt là các ngành không phải bác sĩ, dược sĩ.

- Trạm Y tế có bác sĩ cơ hữu công tác ngày càng giảm do khó tuyển dụng, các bác sĩ hiện đang công tác đến tuổi nghỉ hưu, các bác sĩ làm việc tại trạm có xu hướng chuyển ra cơ sở y tế ngoài công lập làm việc.

3.3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Trong một giai đoạn dài trước đây, các đơn vị y tế công lập hầu như không tuyển dụng được nhân lực có trình độ chuyên môn cao (Bác sĩ, Dược sĩ) dẫn đến thiếu nguồn nhân lực có tính kế thừa liên tục. Trong điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay của tỉnh chưa đủ sức hấp dẫn để thu hút nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao về phục vụ cho ngành y tế tỉnh nhà. Chế độ, chính sách, điều kiện làm việc, thu nhập của đội ngũ nhân lực ngành y tế chưa tương xứng, còn có sự chênh lệch giữa khối y tế công lập và ngoài công lập; giữa các khu vực, địa bàn và lĩnh vực công tác.

- Những khó khăn trong đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế làm ảnh hưởng đến động lực, phát huy kiến thức, năng lực của nhân viên y tế; một số bất cập trong giao quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập làm ảnh hưởng đến việc bố trí đủ số lượng người làm việc để phục vụ nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người bệnh, người dân.

- Nguồn kinh phí còn hạn hẹp vì nguồn thu của các đơn vị y tế chủ yếu là nguồn thu từ khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế trong khi giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh chưa tính đủ chi phí (chi phí quản lý, chi phí đào tạo, ứng dụng công nghệ thông tin, chi phí khấu hao tài sản,...), việc triển khai các dịch vụ theo yêu cầu, dịch vụ y tế còn hạn chế, khó khăn trong tăng nguồn thu để nâng cao đời sống

người lao động, chính sách chế độ, khuyến khích nên gặp rất nhiều khó khăn trong thu hút, đào tạo bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Phần thứ ba **NHU CẦU NHÂN LỰC NGÀNH Y TẾ ĐẾN NĂM 2030**

I. Cơ sở xác định nhu cầu nhân lực y tế

- Dân số trung bình của tỉnh Quảng Ngãi là 2.161.755¹.
- Định hướng phát triển; các chỉ tiêu về chuyên môn kỹ thuật của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập.
- Chỉ tiêu thuộc lĩnh vực y tế được xác định tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030².
- Các văn bản quy định về định mức, cơ cấu nhân lực y tế do Bộ Y tế, Bộ Nội vụ ban hành.

II. Nhu cầu nhân lực ngành Y tế Quảng Ngãi đến năm 2030

Biên chế sự nghiệp của ngành Y tế được giao năm 2025 với 5.876 chỉ tiêu. Trong đó số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước là 4.046 người (*gồm các đơn vị sự nghiệp y tế tuyến tỉnh và các Trung tâm Y tế: 2.165 người; các Trạm Y tế: 1.792 người; Trung tâm công tác xã hội Quảng Ngãi: 42 người, Trung tâm công tác xã hội Kon Tum: 40 người và Quỹ bảo trợ trẻ em: 07 người*); số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu của các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: 1.830 người.

Để triển khai nhiệm vụ được giao về tiếp tục việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo chủ trương của Trung ương, tỉnh Quảng Ngãi; Sở Y tế đã thực hiện việc chuyển giao nguyên trạng 268 Trạm Y tế, 01 Bệnh xá và 03 Phòng Khám đa khoa khu vực (*thực hiện nhiệm vụ Trạm Y tế*) thuộc Trung tâm Y tế trực thuộc Sở Y tế về 95 Ủy ban nhân dân các xã, phường quản lý; theo đó đã thực hiện bàn giao 1.792 người hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại các Trạm Y tế về UBND cấp xã quản lý, trong đó có 260 bác sĩ đạt 2,7 bác sĩ/1 trạm y tế.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 6 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ, các khoa, phòng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập phải bố trí tối thiểu từ 07 người làm việc là viên chức trở lên. Theo đó, để tổ chức đầy đủ 05 khoa, phòng tại Trạm Y tế cấp xã theo mô hình mới, mỗi Trạm Y tế phải được bố trí tối thiểu 38 viên chức, gồm 35 viên chức chuyên môn, nghiệp vụ và 03 viên chức lãnh đạo, quản lý Trạm, chưa bao gồm lao động hợp đồng hỗ trợ, phục vụ và viên chức bố trí cho các điểm trạm (nếu có). Theo yêu cầu của Đề án vị trí việc làm, để bảo đảm đủ nhân lực cho 95 Trạm Y tế, toàn tỉnh cần khoảng 3.610 người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước (95 Trạm x 38 viên chức/trạm). Trong khi đó, nhân lực hiện có mới chỉ đáp ứng một phần, dẫn đến thiếu khoảng 1.818 người làm việc, chủ yếu tập trung ở nhóm vị trí việc làm

¹ Số liệu dân số theo Báo cáo số 28/BC-UBND ngày 30/01/2026 của UBND tỉnh về kết quả hoạt động nhiệm kỳ 2021-2026 và phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ 2026-2031.

² Đến năm 2030: “Có 13,1 bác sĩ và 37,5 giường bệnh trên 1 vạn dân”.

chuyên môn y tế, đặc biệt là bác sĩ, điều dưỡng, hộ sinh và nhân viên y tế công cộng tại tuyến cơ sở.

Để đạt được mục tiêu phát triển nguồn nhân lực ngành Y tế tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030 của Nghị quyết tỉnh đảng bộ là 13,1 bác sĩ/vạn dân, quy mô giường bệnh nhằm đạt mục tiêu 37,5 giường bệnh/vạn dân đến năm 2030 với quy mô dân số hiện này 2.16.755 người đến toán 2030 dự kiến dân số trên địa bàn tỉnh dự kiến 2.262.800 người.

Nhu cầu nhân lực y tế theo nhóm ngành đến năm 2030

STT	Nhóm nhân lực	Số lượng năm 2025	Định mức/vạn dân	Nhu cầu 2030	Thiếu so với định mức	Nghỉ hưu 2026–2030	Tổng cần bổ sung
1	Bác sĩ	1.513	13,1	2.968	1.455	95	1.550
2	Dược sĩ	622	3,0	680	58	22	80
3	Điều dưỡng	2.555	25	5.665	3.110	120	3.230
	Tổng	4.690		9.313	1.633	237	4.860

Phần thứ tư NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA ĐỀ ÁN

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển nguồn nhân lực ngành Y tế nhằm đảm bảo đủ về số lượng, mạnh về chất lượng, hợp lý về cơ cấu và phù hợp với chuyên ngành, song song với phát triển kỹ thuật để góp phần nâng cao chất lượng y tế đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe của nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2030

+ Phát triển nguồn nhân lực Y tế đủ số lượng, đảm bảo chất lượng, cơ cấu phù hợp, phân bổ hợp lý đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số và một số chuyên khoa có tính chất đặc thù, khó tuyển như lao, tâm thần, pháp y, giải phẫu bệnh, truyền nhiễm...

+ Nâng cao chất lượng chuyên môn và y đức của nguồn nhân lực Y tế đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh.

+ Nâng cao năng lực quản lý, điều hành và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực y tế.

+ Phân đầu đạt ít nhất 13,1 bác sĩ/01 vạn dân; 37,5 giường bệnh/01 vạn dân.

- Định hướng đến năm 2045: Nhân lực Y tế tuyển tỉnh đáp ứng yêu cầu của hệ thống Y tế phát triển hiện đại, hội nhập quốc tế, phát triển y tế chuyên sâu, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế. Hệ thống ngành Y tế Quảng Ngãi đáp ứng nhu cầu bảo vệ, nâng cao và chăm sóc sức khỏe ngày càng cao và đa dạng của người dân.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực ngành Y tế

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp trong phát triển nguồn nhân lực ngành Y tế; gắn với quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ, chất lượng, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe ngày càng cao của Nhân dân.

- Xây dựng đề án vị trí việc làm đảm bảo chỉ số nhân lực theo nhóm chức danh nghề nghiệp, cơ cấu nhân lực hợp lý, đúng quy định pháp luật hiện hành; sắp xếp, bố trí, sử dụng hiệu quả nhân lực tại các cơ quan, đơn vị.

- Xây dựng đề án bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cho một số bệnh viện tuyến tỉnh thực hiện nhiệm vụ tuyển dụng, luân phiên Bác sĩ về công tác tại Trạm Y tế cấp xã. Có chính sách tuyển chọn con, em sinh sống tại các vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đi đào tạo Bác sĩ và các chuyên ngành còn thiếu phù hợp nhu cầu của từng địa phương, đơn vị.

- Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị hiện đại tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các kỹ thuật cao trong khám chữa bệnh, xây dựng môi trường làm việc năng động, sáng tạo để sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực tại các đơn vị và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học kỹ thuật: Xây dựng chiến lược phát triển y khoa trong lĩnh vực nghiên cứu, ứng dụng những thành tựu khoa học mới; từng bước hiện đại hóa kỹ thuật y tế, áp dụng các giải pháp y tế thông minh. Ứng dụng công nghệ thông tin trong y tế thực hiện hiệu quả, đồng bộ hóa cơ sở dữ liệu y tế trên toàn quốc giúp giảm thiểu thời gian làm việc nhân lực y tế trong công tác hành chính, tăng chất lượng chuyên môn y tế, tăng hiệu quả nguồn nhân lực y tế phục vụ khám chữa bệnh.

- Cải thiện điều kiện môi trường làm việc, đảm bảo an toàn lao động, hạn chế tối đa các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình thực hiện công việc; đầu tư xây dựng môi trường văn hóa đơn vị, tạo dựng cảnh quan, không gian làm việc, tạo bầu không khí làm việc thoải mái và đoàn kết, tin tưởng lẫn nhau giữa đồng nghiệp, giữa lãnh đạo và nhân viên...; đẩy mạnh hoạt động văn hóa, thể thao... nhằm tái tạo sức lao động mang lại hiệu quả công việc cao hơn.

- Thực hiện việc đánh giá xếp loại, bình xét thi đua khen thưởng công khai, minh bạch, chính xác, kịp thời tạo động lực phấn đấu, động viên công chức, viên chức, người lao động trong thực hiện nhiệm vụ.

- Tăng cường phối hợp, hợp tác trong sử dụng nhân lực giữa các đơn vị trong và ngoài công lập, đặc biệt là nguồn nhân lực có trình độ cao, chuyên môn sâu; huy động có hiệu quả sự tham gia của y tế ngoài công lập vào công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu.

2. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ của công chức, viên chức, người lao động ngành y tế đặc biệt là đào tạo sau đại học, đào tạo chuyên khoa, chuyên sâu, bồi dưỡng chuyên khoa cơ bản... để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế; phát triển hệ thống cơ sở đào tạo thực hành trình độ chuyên khoa, chuyên sâu (*Chi tiết số lượng đào tạo, bồi dưỡng hàng năm từ năm 2026-2030 kèm theo*).

- Xây dựng, đầu tư, phát triển mạng lưới các bệnh viện tham gia đào tạo thực hành y tế chuyên sâu, thực hiện các phương pháp mới, kỹ thuật mới như đào tạo chuyên sâu chất lượng cao cho các chuyên ngành mũi nhọn như mổ tim, hỗ trợ sinh sản, ghép tạng, xạ trị, ung thư... Cử cán bộ tham gia đào tạo, bồi dưỡng tại các bệnh viện tuyến trung ương, đặt hàng chuyển giao kỹ thuật cao từ tuyến trung ương và nước ngoài.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo, nâng cao chất lượng nhân lực y tế, đặc biệt là đào tạo sau đại học, đào tạo chuyên khoa, chuyên sâu, chuyển giao kỹ thuật và công nghệ y tế.

- Tiếp tục triển khai các đề án, dự án đào tạo nhân lực y tế cho vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa như Dự án 585 “Thí điểm đưa bác sĩ trẻ tình nguyện về công tác tại miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn”; Dự án 7 “Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

- Xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tăng cường đào tạo cán bộ quản lý y tế, quản lý bệnh viện, nâng cao năng lực về quản lý, quản trị hiện đại, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số cho cán bộ quản lý y tế các cấp.

- Tăng cường phối hợp với các Trường Đại học y dược mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng phát triển nhân lực theo nhu cầu của từng đơn vị, từng địa phương.

- Các cơ sở giáo dục đào tạo nhân lực Y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi: tăng cường mở các mã ngành đào tạo đúng quy định, đáp ứng nhu cầu phát triển nhân lực, đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ giảng viên, phấn đấu đạt và vượt chỉ tiêu đề ra về số lượng, chất lượng đội ngũ giảng viên của các cơ sở đào tạo; cập nhật chương trình đào tạo ở mọi loại hình và trình độ đào tạo; tích cực trao đổi, liên kết đào tạo với các trường danh tiếng trong khu vực và quốc tế, đào tạo theo chương trình tiên tiến; thường xuyên cải tiến phương pháp dạy/học, lấy người học làm trọng tâm, dạy học dựa vào bằng chứng.

- Tăng cường đầu tư cho công tác đào tạo nhân lực Y tế gắn với đổi mới cơ chế tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước. Đồng thời, vận động tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hỗ trợ kỹ thuật, tài chính để đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho cơ sở đào tạo nhân lực y tế trên địa bàn tỉnh.

- Cơ sở khám chữa bệnh tổ chức thực hiện cập nhật kiến thức y khoa liên tục cho người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đúng, đủ thời gian quy định của pháp luật.

3. Ban hành cơ chế chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng, ban hành kịp thời chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực Y tế công lập tỉnh Quảng Ngãi như: hỗ trợ đào tạo; hỗ trợ thu hút; hỗ trợ kinh phí cho chuyên gia, công chức quản lý hành chính, viên chức tại các đơn vị đặc thù, chính sách đối với Bác sĩ luân phiên y tế cơ sở; hỗ trợ hợp đồng bác sĩ đã nghỉ hưu; hỗ trợ nhân viên y tế thôn bản...

- Khuyến khích các đơn vị y tế tuyến tỉnh, đơn vị y tế tự chủ tài chính có các cơ chế lương tăng thêm có đãi ngộ thu hút nhân tài đặc biệt nhân lực chất lượng cao, đồng thời trả lương tăng thêm theo vị trí công việc và đánh giá thực tế công việc, tạo động lực trong công việc cho viên chức, người lao động.

4. Phát triển nâng cao chuyên môn dịch vụ

- Tăng cường đầu tư các nguồn lực để thực hiện việc nâng cấp cơ sở hạ tầng, đầu tư mua sắm máy móc, trang thiết bị, đảm bảo các trang thiết bị thiết yếu và chuyên sâu để phát triển nâng cao chuyên môn dịch vụ tại tất cả các tuyến nhằm phục vụ công tác chuyên môn cũng như thu hút nhân lực.

- Tích cực triển khai các dịch vụ, kỹ thuật cao, chuyên sâu đã có, chủ động tiếp nhận các kỹ thuật mới, chuyên sâu từ các bệnh viện trung ương.

5. Tăng cường hợp tác chuyển giao kỹ thuật

Hợp tác trong đào tạo và nghiên cứu khoa học phải được coi là chìa khóa trong hội nhập và phát triển nguồn nhân lực. Thực hiện tốt hợp tác chuyển giao kỹ thuật nâng cao chất lượng nhân lực y tế, đặc biệt là chuyển giao kỹ thuật chuyên sâu từ tuyến trên cho tuyến dưới theo đề án bệnh viện vệ tinh, thực hiện chương trình hợp tác giữa các đơn vị y tế của thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Quảng Ngãi theo biên bản hợp tác đã được ký kết.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước; kinh phí của cơ quan quản lý, sử dụng công chức, viên chức, người lao động; tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

2. Dự kiến kinh phí thực hiện đào tạo, bồi dưỡng từ năm 2026 - 2030 là **98.021.920.000 đồng** (chi tiết có bảng thuyết minh gửi kèm).

Phần thứ năm TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Hàng năm, căn cứ nhu cầu và chỉ tiêu biên chế được giao, xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức cho các đơn vị trực thuộc; chỉ đạo các đơn vị tự chủ

thực hiện việc tuyển dụng theo phân cấp, đảm bảo tuyển đủ số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp theo quy định.

- Hàng năm, xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhân lực y tế và nhu cầu kinh phí thực hiện gửi Sở Tài chính, Sở Nội vụ thẩm tra, trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định theo đúng quy định.

- Chủ động phối hợp với các cơ sở đào tạo, tổ chức các lớp đào tạo bồi dưỡng chuyên khoa tại các đơn vị thuộc ngành Y tế hoặc các cơ sở thực hành của trường tại tỉnh nhà.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện các nội dung Đề án đạt hiệu quả, chất lượng, đúng quy định; tổ chức sơ kết đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo UBND tỉnh theo từng giai đoạn.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức tư vấn hướng nghiệp, định hướng nghề nghiệp, tuyên truyền về ngành y, nhu cầu nhân lực y tế cho học sinh phổ thông để định hướng nghề nghiệp tạo nguồn nhân lực Y tế trong tương lai.

2. Sở Nội vụ

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tổ chức bộ máy và biên chế ngành Y tế theo quy định.

- Phối hợp với Sở Y tế tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức, nhân lực ngành y tế theo phân cấp.

- Phối hợp với Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các chính sách về hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực ngành Y tế.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế đảm bảo các nguồn kinh phí sử dụng cho công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực ngành Y tế.

- Phối hợp với Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các chính sách về hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực ngành Y tế.

4. UBND các xã, phường, đặc khu

- Xây dựng các chính sách đặc thù trong phát triển nguồn nhân lực Y tế phù hợp với điều kiện của từng địa phương.

- Phối hợp với Sở Y tế triển khai thực hiện các mục tiêu của Đề án này.

- Tăng cường đầu tư nguồn kinh phí để các cơ sở y tế trên địa bàn thực hiện Đề án có chất lượng.

5. Các cơ sở giáo dục đào tạo nhân lực Y tế

- Phối hợp với Sở Y tế triển khai thực hiện các nội dung của Đề án. Tăng cường hoàn thiện các điều kiện, tiêu chuẩn đáp ứng quy định tăng chỉ tiêu đào tạo chuyên ngành y, được hàng năm.

- Trường Cao đẳng Đặng Thuỳ Trâm, Trường Cao đẳng Kon Tum chủ trì, phối hợp với các trường đại học, cao đẳng đào tạo chuyên ngành y, được đóng trên

địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng, triển khai thực hiện Đề án thu hút người học, đào tạo chuyên ngành y, dược phục vụ cho tỉnh Quảng Ngãi; phối hợp tư vấn hướng nghiệp, định hướng nghề nghiệp, tuyên truyền về ngành y, nhu cầu nhân lực y tế cho học sinh phổ thông, ngày hội việc làm cho sinh viên khi ra trường./.